

## NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC DẠY VÀ HỌC KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CỦA GIÁNG VIÊN VÀ SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

**Đỗ Thị Huyền<sup>+</sup>,  
Nguyễn Thị Hoa**

Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang  
+Tác giả liên hệ • Email: huyendt@bafu.edu.vn

### Article History

Received: 08/4/2020

Accepted: 05/5/2020

Published: 25/5/2020

### Keywords

speaking skill, students' level, learning method, Bac Giang Agriculture and Forestry University.

### ABSTRACT

This research was carried out to find out difficulties encountered by teachers and non- English major students in teaching and learning speaking skill at Bac Giang Agriculture and Forestry University and suggest some solutions. About 300 first-year-students of the university were selected to take part in the survey via questionnaires. According to the recorded results, difficulties that teachers encounter in teaching speaking skill were large classes with different level of students and students' mother tongue affection. In addition, the difficulties of students were mainly due to their low English proficiency and inadequate learning method for speaking skill. From the above results, some pedagogical solutions are suggested to improve students' speaking skill.

### 1. Mở đầu

Ngày nay, nhằm nâng cao tính tự lập cũng như khả năng giao tiếp của sinh viên (SV), phương pháp học tại trường đại học mang tính tự thảo luận là chính, thầy cô chỉ đóng vai trò như người hướng dẫn, tổ chức các hoạt động thảo luận và giải quyết những khúc mắc mà SV gặp phải trong quá trình học.

Đối với môn Tiếng Anh, tại trường phổ thông, kiến thức mà SV thu được chủ yếu dựa trên lí thuyết và tập trung phần lớn vào ngữ pháp. Tại trường đại học, kiến thức tiếng Anh tập trung vào 4 kĩ năng cơ bản là *nghe, nói, đọc, viết* nhằm giúp SV phát triển hoàn thiện các kĩ năng trong giao tiếp. Những ưu điểm của các kĩ năng này lại trở thành rào cản đối với SV năm thứ nhất vì SV chưa được làm quen với những kĩ năng đó, đặc biệt là số lượng SV tại trường là người dân tộc chiếm không ít. Qua quá trình giảng dạy thực tế trên lớp và kết quả học tập của SV năm thứ nhất, kĩ năng nói của SV là một trong những vấn đề đáng quan tâm. Nhằm tìm hiểu những khó khăn này để đề ra cách khắc phục, giúp SV năm thứ nhất nhanh chóng vượt qua khó khăn trong quá trình học kĩ năng nói tiếng Anh, nghiên cứu về “Những khó khăn trong việc dạy và học kĩ năng nói tiếng Anh của giảng viên (GV) và SV năm thứ nhất Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang và một số biện pháp khắc phục” là mục tiêu mà bài viết này hướng đến.

### 2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.1. Cơ sở lí luận về việc dạy và học kĩ năng nói tiếng Anh

##### 2.1.1. Phương pháp dạy học ngoại ngữ theo đường hướng giao tiếp (Communicative Language Teaching - CLT)

CLT là phương pháp dạy ngoại ngữ (hay “ngôn ngữ thứ hai”) nhấn mạnh vào mối quan hệ tác động qua lại của các hệ thống cũng như mục đích cuối cùng của việc học ngôn ngữ. Phương pháp này còn có tên là “Đường hướng giao tiếp cho việc dạy ngoại ngữ” hay đơn giản là “Đường hướng giao tiếp”. Với phương pháp này, SV luôn đóng vai trò làm trung tâm. GV thường thiết kế chương trình dựa trên việc phân tích nhu cầu của người học. Các hoạt động trên lớp gắn liền với việc sử dụng tiếng, thông qua đó, SV nắm thành thạo các chiến lược giao tiếp như: biết hỏi lại khi chưa rõ vấn đề, biết yêu cầu nhắc lại, biết đàm phán thông tin, biết “đưa đẩy” khi nói chuyện một cách tự nhiên,... Điều đó cũng có nghĩa là GV biết khai thác tối đa các hoạt động theo nhóm, theo đôi, trình bày vấn đề nhằm giúp người học thực hiện chức năng tích cực, không thụ động tiếp thu. Người học học tiếng bằng sử dụng tiếng (learning by doing), qua các hoạt động giao tiếp, chứ không nghe GV giảng giải về tiếng đang học (learning about the language), các kĩ năng như nghe, nói, đọc, viết được tiến hành đan xen chứ không tách biệt.

Ưu điểm cơ bản của phương pháp này là người học đóng vai trò tích cực trên lớp, được học những gì mình muốn và được coi là cần thiết. Bản thân phương pháp chú trọng tới việc sử dụng ngoại ngữ của SV, học nhận thức mà không khuyến khích học thuộc lòng, khả năng trình bày vấn đề lưu loát, chấp nhận khác biệt ngữ âm. Tuy nhiên, phương pháp này cũng có những tồn tại đáng kể sau hơn 30 năm thịnh hành. Tồn tại này chủ yếu liên quan tới vấn đề lỗi. Do quá chú trọng vào nghĩa và khả năng trình bày vấn đề lưu loát nên GV thường bỏ qua lỗi, khiến cho SV có khả năng bị rơi vào tình trạng “trì trệ”.

Đặc biệt, đối với quá trình dạy và học nói, phương pháp này chứng tỏ có nhiều ưu điểm. CLT đẩy mạnh sự giao tiếp qua nhiều hoạt động như diễn kịch, phỏng vấn, trò chơi,... khuyến khích người học giao tiếp một cách chủ động, tạo niềm vui cho người học để họ có thể học nhanh hơn và nhớ lâu hơn. Với việc tăng cường cường độ giao tiếp, sự tự tin cùng khả năng giao tiếp tự nhiên của người học cũng được thúc đẩy. Bằng cách sử dụng các tình huống thực tế, người học sẽ nhận được các trải nghiệm giao tiếp tư duy bằng tiếng Anh. Điều này dần dần hoàn thiện khả năng phát âm chuẩn cũng như khả năng ứng biến trong những tình huống giao tiếp tương tự. Các bài học được thiết kế để tạo ra tình huống giao tiếp trong đó người học được lấy làm trọng tâm. Khi lời nói được lắng nghe, người học sẽ trở nên thích thú với việc giao tiếp.

### 2.1.2. Các bước dạy kỹ năng nói

Việc rèn luyện kỹ năng nói phải được tiến hành qua 3 giai đoạn: - Pre-speaking (Trước khi nói); - While-speaking (Trong khi nói); - Post-speaking (Sau khi nói). Mỗi giai đoạn có nhiệm vụ, mục đích khác nhau tùy thuộc vào nội dung và đặc thù của mỗi bài mà ở từng giai đoạn, vận dụng các thủ thuật, phương pháp, hình thức tổ chức khác nhau.

#### - Giai đoạn 1: Pre-speaking

Mục đích yêu cầu: Giúp SV thấy rõ mục đích yêu cầu của giờ học. SV được cung cấp từ vựng, cấu trúc ngữ pháp; được biết sẽ nói về chủ đề gì. Giai đoạn này đóng vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện mục đích của giờ học, giúp cho SV hình thành được ý tưởng và nội dung những điều mà các em sẽ nói. Để gọi mở và tạo những kiến thức đã học nhằm phục vụ cho hoạt động nói, yêu cầu các em luyện tập nhóm, cặp, cả lớp liệt kê các ý có liên quan đến chủ đề đang thảo luận rồi tổng hợp ý kiến đó lên bảng.

Các thủ thuật cho giai đoạn này GV có thể lựa chọn là: Pre-teach vocabulary and structures (Dạy từ vựng, ngữ pháp mới); Brainstorming/ Network (Ôn lại từ vựng, ngữ pháp cũ có liên quan đến bài học); Matching pictures/ words/ phrases/ sentences (Ghép nối các bức tranh/ từ/ cụm từ/ câu/ lời nói của nhân vật...); Eliciting (Gọi mở).

#### - Giai đoạn 2: While-speaking

Mục đích yêu cầu: Ở giai đoạn này phải thực hiện được nhiệm vụ chính của giờ học. Vì vậy, SV phải diễn đạt được những điều được hướng dẫn, gọi mở từ giai đoạn. Tùy thuộc vào nội dung và hình thức bài học mà GV cần vận dụng phương pháp cách thức tổ chức sao cho linh hoạt với từng đối tượng SV để tất cả các em đều có cơ hội luyện tập, SV khá giúp đỡ SV yếu hơn. Các thủ thuật cho giai đoạn này GV có thể lựa chọn là: Asking and answering (Hỏi - đáp); Role play (Đóng vai); Picture cue drill/ Word cue drill (Đặt câu với tranh ảnh/ từ gợi ý); Mapped dialogue (Hội thoại); Making similar dialogue (Lập hội thoại mới dựa vào mẫu); Chain games (Xâu chuỗi lời nói).

#### - Giai đoạn 3: Post-speaking

Mục đích yêu cầu: Hoạt động để hoàn chỉnh kỹ năng nói hoặc sản sinh thêm lời nói, SV cần phải vận dụng những điều đã học vào giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày. Vì vậy, đòi hỏi mức độ nói phải trôi chảy, vận dụng tình huống phải nhanh, linh hoạt. Các thủ thuật cho giai đoạn này GV có thể lựa chọn là: Discussion (Thảo luận); Interview (Phỏng vấn); Survey (Điều tra); Writing it up (Ghi chép).

### 2.1.3. Những khó khăn trong dạy và học kỹ năng nói

Lí do đầu tiên được nhiều nhà nghiên cứu nói đến là cách thức mà người học được tiếp cận với tiếng Anh chưa thực sự hiệu quả. Thực vậy, khi người học bắt đầu làm quen với tiếng Anh ở trường phổ thông, theo cách dạy học truyền thống thì môn Tiếng Anh thường được đánh đồng với các môn học khác như Toán học, Vật lí, Hóa học,... với những công thức, tính toán rồi cho ra đáp án chính xác mà hề có một lỗi nhỏ là sẽ cho ngay kết quả không đúng, GV lập tức cho điểm kém - điều mà bất cứ SV nào cũng sợ bởi ảnh hưởng ngay đến điểm tổng kết. Lí do thứ hai là trong các kì thi tốt nghiệp hay tuyển sinh vào một số trường đại học ở nước ta, môn Tiếng Anh được thi hoàn toàn dưới hình thức viết hay trắc nghiệm nên GV luyện thi cho SV cũng chỉ tập trung vào kỹ năng đọc, viết mà hầu như bỏ qua việc luyện kỹ năng nói. Thứ ba, sự khác nhau giữa hệ thống ngữ âm của tiếng Anh với tiếng mẹ đẻ của người học (mà với chúng ta là tiếng Việt) cũng gây trở ngại lớn cho người học nói tiếng Anh. Rõ ràng là người Việt Nam thật khó làm quen với những âm trong tiếng Anh như: /θ/, /ð/, /dʒ/,...

## 2.2. Thực trạng dạy và học kỹ năng nói tiếng Anh đối với sinh viên năm thứ nhất tại Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

Bộ môn Ngoại ngữ của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang có 4 GV chính và 2 GV kiêm nhiệm (các GV đều có trình độ thạc sĩ phương pháp giảng dạy tiếng Anh). Trong quá trình công tác tại Trường, GV được cử đi học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và được tham gia các hội thảo quốc tế tại Trường và một số trường khác. Nhìn chung, trình độ của GV Tiếng Anh đáp ứng được nhu cầu giảng dạy của Nhà trường.

Tổng số SV năm thứ nhất của trường là hơn 335. SV gặp rất nhiều khó khăn trong việc học tiếng Anh, nhất là học nói. Khó khăn đầu tiên là trình độ tiếng Anh của SV nhìn chung còn rất thấp. Một số SV chưa từng học tiếng Anh khi bắt đầu vào trường. Ngoài ra, hầu hết SV không có đủ điều kiện để đi đến các trung tâm tiếng Anh hoặc gặp gỡ, tiếp xúc với người nước ngoài để thực hành nói.

Chương trình giảng dạy học phần Tiếng Anh 1 do bộ môn Ngoại ngữ của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang biên soạn. Chương trình được thiết kế rất hợp lí, yêu cầu SV tiếp thu được các kiến thức đã học trong việc đàm thoại bằng tiếng Anh trong cuộc sống và công việc hàng ngày. Ngoài ra, SV có thể ứng dụng các kiến thức ngôn ngữ bao gồm ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng; kĩ năng giao tiếp hàng ngày; một số vấn đề văn hoá văn minh, đất nước học của Anh, Mĩ và các nước nói tiếng Anh vào thực tế cuộc sống. Mục tiêu của từng bài học cụ thể được nêu rõ trong đề cương của chương trình, vì vậy GV có thể dễ dàng hơn trong công tác giảng dạy và đánh giá SV.

Đối với tất cả các học phần Tiếng Anh cơ bản 1, 2, 3, SV đều phải thi nói cuối học phần nên tiêu chí giảng dạy trên lớp của GV đều tập trung vào việc phát triển các kĩ năng giao tiếp cho SV theo đường hướng giao tiếp (CLT) nhưng thực tế kết quả đem lại không như mong muốn. Số SV thi lại (điểm F) và bị điểm D còn khá cao, trong khi số SV đạt điểm A, B (từ 7,0 trở lên) chiếm tỉ lệ thấp.

### **2.3. Những khó khăn trong việc dạy và học nói tiếng Anh của giảng viên và sinh viên năm thứ nhất tại Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang**

#### **2.3.1. Kết quả phân tích phiếu điều tra của giảng viên**

Kết quả phân tích phiếu điều tra dành cho GV cho thấy, thời gian là một vấn đề đối với GV trong việc giảng dạy kĩ năng nói (80%). Họ phàn nàn rằng thời gian một tiết quá ngắn để có thể tổ chức các hoạt động nói sau khi dạy từ vựng và gợi ý về mặt cấu trúc ngữ pháp. 100% GV thấy khó để dạy nói vì nhiều lí do như: trình độ tiếng Anh của SV thấp, các lớp học có số lượng SV lớn, khó khăn để quản lí cũng như tổ chức các hoạt động trong lớp. Nhiều GV (60%) thừa nhận rằng thiếu động lực của SV là một vấn đề trong giảng dạy. Ngoài ra, một số người được hỏi khẳng định rằng việc ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ tới quá trình phát triển kĩ năng nói là một hạn chế. Do đó, có một số yếu tố, cả khách quan và chủ quan ảnh hưởng tới quá trình giảng dạy của GV tại Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

Do đặc thù của môn học ngoại ngữ nên phần lớn các lớp được bố trí dưới 30 người nhưng do điều kiện cơ sở vật chất và nhân lực của nhà trường, nhiều lớp học có sĩ số đông dẫn đến việc học ngoại ngữ chưa thực sự đạt được hiệu quả như mong muốn. Việc tiến hành hoạt động nói gặp không ít khó khăn khi GV phải cân nhắc tới nhiều yếu tố như hình thức học nói là gì, thời gian, thời lượng dành cho hoạt động nói trên lớp. Nếu số lớp học nhỏ, GV có nhiều thời gian để đọc bài, chữa lỗi sai ngữ pháp, từ vựng, phát âm,... nên mỗi SV đều nhận thấy lỗi sai của bản thân và được sửa để tiến bộ hơn. Trong lớp học đông, GV khó có thể làm được điều này nếu không có trợ giảng hoặc sự giúp đỡ từ các GV khác. Với lớp học có số lượng SV vừa phải, GV sẽ có nhiều thời gian để gặp riêng từng SV để hướng dẫn nâng cao các kĩ năng tiếng Anh. Trong lớp học, SV cảm thấy thoải mái hơn khi chia sẻ kinh nghiệm, những khó khăn và trở ngại khi học. Chính việc được chia sẻ và được hỗ trợ thường xuyên sẽ giúp người học cảm thấy an tâm và mong muốn đến lớp hàng ngày. Đối tượng nghiên cứu của bài viết là SV năm thứ nhất, SV lại không được phân loại trình độ tiếng Anh ngay khi nhập học nên GV gặp rất nhiều khó khăn khi một lớp có nhiều trình độ năng lực tiếng Anh khác nhau. Đến kì thứ 2 thì SV mới được phân loại trình độ và phân lớp theo năng lực.

Trong quá trình dạy kĩ năng nói cho SV, GV nhận thấy là nhiều SV bị ảnh hưởng bởi tiếng mẹ đẻ khá nặng, dẫn tới việc phát âm không tự nhiên hay không giống như người bản xứ. Do bị ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ nên hầu hết chúng ta có khuynh hướng phát âm “một từ tiếng Anh có nhiều âm”, như là “nhiều từ tiếng Việt có một âm”. Chẳng hạn, từ tiếng Anh có hai âm là “teacher”, người Việt có khuynh hướng phát âm thành hai từ: “tít” + “chờ”. Ngoài ra, tiếng Việt có thanh, có dấu, khi thay đổi dấu sẽ thành từ khác, ví dụ: ba, bà, bá, bả, bã, bạ. Các từ tiếng Anh tuy không có dấu nhưng khi nói lại có trọng âm. Trọng âm chính là hiện tượng có một âm được nói rõ và to hơn các âm tiết còn lại. Trọng âm của các từ khác nhau là khác nhau. Tiếng Việt có thể đánh vần từng kí tự đọc thành từ, còn tiếng Anh là không thể, viết cách này, đọc cách khác. Nếu gặp từ mới, phải đọc theo cách phát âm của người bản xứ hoặc tra từ điển, không thể tự đánh vần như tiếng Việt. Khi tra từ điển, SV thường tra “từ”, và “nghĩa”, mà quên mất một phần quan trọng là phiên âm. Phiên âm được đặt ngay sau “từ” trong từ điển. Ngoài ra, khi nói tiếng Anh, SV thường có xu hướng tư duy bằng tiếng Việt, sau đó dịch sang tiếng Anh nên cách dịch của chúng ta thường không chuẩn xác, vì vậy gặp rất nhiều khó khăn khi dạy cho SV cách tư duy ý tưởng.

Khó khăn tiếp theo là trình độ tiếng Anh của SV Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang thấp. Đa số SV chưa nắm được kiến thức cơ bản lẫn chuyên ngành hoặc nắm khá vững kiến thức nhưng lại không giao tiếp được. Đặc trưng của SV khối ngành Nông - Lâm nghiệp là ít có cơ hội tiếp xúc với tiếng Anh. Ngoài ra, theo đặc thù của

Trường, SV là người dân tộc cũng chiếm tỉ lệ không ít nên trình độ các em rất thấp. Theo ý kiến của một GV tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học: “*mặc dù SV đầu vào có trình độ tiếng Anh ở những mức khác nhau song tình trạng chung là chất lượng vẫn còn thấp và SV còn lơ là việc học bộ môn này*”. SV có xuất phát điểm kém, không cố gắng nỗ lực học tập, tâm lý không tự tin nên khả năng nói tiếng Anh lại càng hạn chế.

### 2.3.2. Kết quả phân tích phiếu điều tra của sinh viên

Kết quả điều tra về lí do học tiếng Anh của SV cho thấy: 30% SV học tiếng Anh để vượt qua các kì thi và 60% coi đó là một môn học bắt buộc, thể hiện rằng một số lượng lớn SV trong trường không thực sự cảm thấy thích việc học tiếng Anh. 23% số SV cho rằng học tiếng Anh vì nghĩ rằng nó sẽ rất hữu ích để có được một công việc tốt trong tương lai. Chỉ có 8% số SV nói rằng họ học tiếng Anh để nghe nhạc, đọc sách, tạp chí bằng tiếng Anh. Về tầm quan trọng của kĩ năng nói trong việc học tiếng Anh, 54% và 43% SV cho rằng kĩ năng nói là rất quan trọng và khá quan trọng. Chỉ có 2% SV nghĩ rằng kĩ năng nói không quan trọng và 3% SV nghĩ rằng là ít quan trọng. Ngoài ra, 68% SV nhận thấy kĩ năng nói có thể nâng cao kiến thức về ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm, giúp họ làm bài kiểm tra và bài thi tốt hơn. Bên cạnh đó, 12% xác định lí do chính cho việc học nói tiếng Anh là để có được một cơ hội làm việc cho công ty nước ngoài sau khi tốt nghiệp. Số lượng SV nghĩ rằng kĩ năng nói là thứ vị chiếm rất ít (5%). Với mức độ quan tâm này, có thể nói rằng SV sẽ ít tích cực tham gia vào các tiết học nói, thể hiện ở việc SV thường sợ nói tiếng Anh trong lớp, chỉ có 4% luôn luôn tìm kiếm cơ hội để nói chuyện. Kết quả khảo sát về nhân tố tác động đến việc SV không muốn tham gia hoạt động nói, dữ liệu thu thập được chỉ ra rằng không nhiều SV sẵn sàng tham gia hoạt động nói trong giờ học tiếng Anh. 70% SV thỉnh thoảng có tham gia nói trong khi 15% chỉ nói khi GV yêu cầu.

Trong thực tế, có những lí do khác nhau để SV không muốn tham gia hoạt động nói. 49% số người được hỏi cho biết do sợ mất mặt trước GV và bạn học nếu họ không nói được một cách chính xác. Từ đó, SV nảy sinh tâm lí e dè và giờ học nói của GV không thành công. Lí do có thể là ảnh hưởng của phong cách học tập truyền thống trong đó tìm hiểu ngữ pháp, giải thích cấu trúc là phần thiết yếu trong mỗi bài học và do đó, mục đích của việc học tiếng Anh là để làm chủ tất cả các quy tắc và từ vựng hơn là để có thể giao tiếp bằng tiếng Anh.

Ngoài ra, 20% số SV thừa nhận rằng không quan tâm nhiều đến kĩ năng nói. Đây thực sự là vấn đề cần thiết để GV tìm hiểu các kĩ thuật dạy học phù hợp, khuyến khích SV nói. Tình hình học tập thực tế đã chứng minh rằng, SV không có nhiều cơ hội để nói tiếng Anh, dẫn đến không có thói quen nói tiếng Anh trong lớp học. Yếu tố lớn nhất ảnh hưởng đến SV tham gia nói tiếng Anh trong lớp học là thiếu từ hoặc cấu trúc. Thiếu vốn từ vựng và thiếu cấu trúc là trở ngại cho những ý tưởng nói. 18% SV than phiền về giới hạn thời gian cho việc chuẩn bị khi nói. 3% SV còn lại phản ánh rằng GV nói tiếng Anh hơi nhiều trong các bài học và giải thích lí do tại sao SV không có thói quen nói tiếng Anh trong lớp học. Tóm lại, trình độ tiếng Anh của SV còn thấp là trở ngại lớn trong quá trình giảng dạy.

### 2.3.3. Khó khăn của sinh viên khi học kĩ năng nói

Khó khăn mà SV gặp phải trong suốt quá trình học kĩ năng nói có thể tổng hợp lại như sau: trình độ tiếng Anh kém, động lực học ít, lạm dụng tiếng Việt khi thực hành nói theo cặp hay nhóm, thái độ học tập bị động, SV không chịu tham gia các hoạt động nói. Chỉ có một số ít GV nghĩ rằng việc không tham gia các hoạt động nói là một trong những khó khăn của SV khi học kĩ năng nói trong khi tất cả những người được hỏi khẳng định rằng trình độ tiếng Anh thấp là một trở ngại lớn của SV. Nhiều người được hỏi (85%) công nhận rằng thiếu động lực là một vấn đề lớn ảnh hưởng tới thái độ học của SV trong suốt quá trình học nói. Mô hình sử dụng thực hành nói theo cặp, nhóm là một trong những mô hình hiệu quả để học nói tiếng Anh. SV có thể trao đổi ý kiến và học hỏi từ bạn bè, có thể kiểm tra lỗi sai cho nhau. Tuy nhiên, phần lớn SV sử dụng tiếng Việt để thảo luận sau đó dịch sang tiếng Anh nên hình thức làm việc theo cặp và nhóm trở nên không hiệu quả. Cuối cùng, cách học thụ động của SV là một hạn chế. Thực tế là, phong cách học tập truyền thống của SV tác động rất nhiều kĩ năng nói của họ. SV dường như phụ thuộc vào GV và sử dụng tiếng Việt rất nhiều trong quá trình học nói do trình độ tiếng Anh thấp. Do đó, SV muốn nâng cao khả năng nói tiếng Anh gặp rất nhiều khó khăn.

## 2.4. Một số biện pháp cải thiện kĩ năng nói cho sinh viên năm thứ nhất tại Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

### 2.4.1. Thực hành nói tiếng Anh theo nhóm, cặp

Đối với hoạt động nhóm có thể chia lớp thành các nhóm nhỏ. Mỗi nhóm có từ 3-5 SV. Các nhóm học tập này được phân chia dựa vào khả năng học tập, mức độ hợp tác và hiểu nhau giữa các thành viên trong nhóm, có tinh thần giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Như vậy, không phân chia nhóm một cách ngẫu nhiên hay có sự tự chọn của SV. Nhóm trưởng sẽ đóng vai trò là chủ trò của cuộc thảo luận chứ không phải là GV nữa, đây cũng là điểm tiến bộ của phương pháp học nói theo nhóm. Trong nhóm, các thành viên có thể giúp đỡ nhau.



Trong những tiết của học phần nói, khi có yêu cầu hoạt động theo hình thức trên thì SV đã được phân chia sẵn sẽ tự giác ngồi theo nhóm hay tìm cặp của mình như đã được phân chia trước đó. Ngay khi nhận được chủ đề thực hành nói, SV sẽ cùng nhau đóng góp ý kiến, xây dựng ý tưởng cho bài nói của nhóm mình, lúc này nhóm trưởng có vai trò rất quan trọng quyết định đến mức độ thành công của bài nói.

#### 2.4.2. Tạo thói quen tư duy bằng tiếng Anh

Suy nghĩ bằng tiếng Anh tức là khi giải quyết vấn đề, SV luôn tư duy và diễn đạt theo ngôn ngữ tiếng Anh, thoát khỏi hoàn toàn lối tư duy theo ngôn ngữ mẹ đẻ. Khi áp dụng biện pháp này, GV phải biết cách kích thích, hướng SV tư duy theo ngôn ngữ tiếng Anh, nghĩa là các câu hỏi mà GV đặt ra phải thực sự rõ nghĩa, hướng trả lời rõ ràng, phù hợp với khả năng của SV. Để đạt được điều này cũng rất cần sự khổ công rèn luyện của mỗi SV. Biện pháp này có thể áp dụng cho cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Đối với kỹ năng nói, để SV không sa vào lối tư duy theo ngôn ngữ mẹ đẻ thì điều đầu tiên là tạo môi trường tiếng trong lớp, hoàn thiện các nhiệm vụ bài học bằng 100% tiếng Anh, nếu SV chưa hiểu thì GV có thể tìm cách diễn đạt khác để hiểu hơn mà vẫn đảm bảo tính sử dụng ngôn ngữ 100%. Thêm vào đó, mỗi SV cần tự bổ sung kiến thức từ vựng cho mình; có một vốn từ vựng phong phú, SV sẽ nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ và ứng biến với tình huống.

#### 2.4.3. Tham gia các câu lạc bộ tiếng Anh, các trung tâm tiếng Anh và các buổi ngoại khóa

Sử dụng tiếng Anh ở mọi lúc mọi nơi là đem ngôn ngữ mà mình đang theo học vào các cuộc giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ ở mọi lúc, mọi thời điểm. Như vậy, biện pháp này hướng SV sử dụng hoàn toàn tiếng Anh. Thực tế hiện nay, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang chưa có câu lạc bộ học tiếng Anh của toàn trường cho nên mức độ giao lưu, học hỏi lẫn nhau giữa SV còn kém, SV chưa có “sân chơi” để thể hiện khả năng ngôn ngữ của mình. Như vậy, nếu có một câu lạc bộ tiếng Anh dành riêng cho SV thì hứa hẹn sẽ mang lại hiệu quả học tập rất cao. Câu lạc bộ có thể hoạt động mỗi tháng một lần vào buổi tối. Mỗi lần hoạt động, cá nhân hoặc nhóm sẽ đưa ra ý kiến, quan điểm của mình về một chủ đề nào đó. Cùng với đó, câu lạc bộ cũng thành lập một trang web riêng để các thành viên cập nhật được thông tin, tài liệu học tiếng Anh, phương pháp học tiếng Anh mới cũng như chủ đề tiếp theo mà câu lạc bộ sẽ hoạt động nhằm có sự chuẩn bị tốt nhất để buổi thảo luận thực sự hữu ích.

### 3. Kết luận

Dựa trên phiếu điều tra dành cho GV và SV, những khó khăn trong việc dạy và học kỹ năng nói tiếng Anh đã được tìm ra và phân tích. Những phát hiện này ở một mức độ nào đó đã phản ánh tình hình dạy và học tại Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. Do vậy, những khó khăn và biện pháp được trình bày nhằm mục đích cải thiện việc dạy và học kỹ năng nói cho GV và SV cũng như nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Tuy nhiên, do số ít GV và chỉ SV năm thứ nhất tham gia vào nghiên cứu nên các kết luận rút ra vẫn cần phải được kiểm chứng toàn diện, sâu sắc hơn nữa. Vì vậy, trong thời gian tới, chúng tôi sẽ triển khai với nhiều đối tượng nghiên cứu hơn để mang lại kết quả chính xác cũng như những biện pháp được đề xuất sẽ bám sát với thực tiễn hơn.

#### Tài liệu tham khảo

- Baker, J. & Westrup, H. (2003). *Essential speaking skills*. London: Continuum and Voluntary Service Overseas.
- Brown, H. D. (1994). *Teaching by principles: an interactive approach to language pedagogy*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall Regents.
- Chaney, A. L. - T. L. Burk (1998). *Teaching Oral Communication in Grades K-8*. Boston: Allyn&Bacon.
- Down, M. (2000). *Increasing Student Motivation*. Teacher's Edition, 4, 8-13.
- Harmer, J. (1991). *The Practice of English Language Teaching*. Longman: London and New York.
- Hedge, T. (2000). *Teaching and learning in the language classroom*. Oxford: Oxford University Press.
- Littlewood, W. (2007). *Communicative Language Teaching*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Nation, I. S. P. & Newton, J. (2009). *Teaching ESL/EFL listening and speaking*. New York, NY: Routledge.
- Nguyễn Thị Ngọc Trang - Lê Thị Minh Hiền (2018). *Sử dụng các trò chơi ngôn ngữ để phát triển kỹ năng nói tiếng Anh cho học viên Học viện Kỹ thuật Quân sự*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 1 tháng 5, tr 230-234.
- Nunan, D. (1999). *Second Language Teaching and Learning*. Heinl and Heinl Publishers.
- Thornbury, S. (2005). *How to Teach Speaking*. New York: Pearson Education Inc.
- Tuan, N. H. - Mai, N. T. (2015). *Factors affecting students' speaking performance at Le Thanh Hien High school*. Asian Journal of Educational Research, 3(2), 8-23.